

# **THỰC TRẠNG THI HÀNH PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI – MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

***TTV cao cấp, Phó Vụ trưởng Vụ 1 Nghiệp vụ  
Tổng cục Thi hành án dân sự***

Tòa án và trọng tài thương mại đều là những hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại. Thủ tục của hai cơ quan này đều căn cứ trên những nguyên tắc chung như tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự, đảm bảo sự độc lập của người tài phán. Tuy nhiên, cơ chế tổ tụng của hai cơ quan này có những sự khác biệt cơ bản về tính chất pháp lý, thẩm quyền, điều kiện thụ lý, nguyên tắc xét xử... Trong đó, Tòa án là cơ quan nhà nước nằm trong hệ thống cơ quan tư pháp. Trong quá trình tổ tụng, tòa án nhân danh Nhà nước để xem xét, xử lý vi phạm pháp luật nhằm duy trì trật tự công cộng và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của các nhà kinh doanh. Các trung tâm trọng tài là các tổ chức phi chính phủ, mang tính chất xã hội, nghề nghiệp. Các trung tâm trọng tài không do Nhà nước quyết định thành lập, mà do các trọng tài viên thỏa thuận xin phép Nhà nước để được thành lập. Các trung tâm trọng tài không nằm trong cơ cấu thiết chế nào của bộ máy nhà nước và cũng không phải là một cơ quan xét xử của Nhà nước. Tuy nhiên, Trọng tài được thành lập nhằm cung cấp cho các nhà kinh doanh một cơ chế giải quyết tranh chấp nhanh chóng, đơn giản, thuận tiện, phù hợp với tâm lý của doanh nghiệp. Chính sự khác biệt cơ bản này làm nên sự khác biệt về tổ tụng giữa hai cơ quan trên.

Về thẩm quyền theo vụ việc, tòa án có thẩm quyền rộng hơn (*giải quyết hầu hết tất cả tranh chấp trong kinh doanh*) so với trọng tài. Thẩm quyền của trọng tài chỉ được xác lập khi có sự thỏa thuận của các bên trong tranh chấp.

Trung tâm trọng tài chỉ xét xử một lần đối với các tranh chấp kinh doanh, thương mại, phán quyết của trọng tài là chung thẩm, có hiệu lực thi hành, không bị kháng cáo, kháng nghị. Đây là nguyên tắc đặc trưng của tổ tụng trọng tài so với tòa án. Nó xuất phát từ bản chất của tổ tụng trọng tài là nhân danh ý chí và quyền định đoạt của các bên đương sự. Họ đã tự lựa chọn và tín nhiệm người phán xử cho mình thì đương nhiên phải phục tùng quyết định của người đó.

Đối với tổ tụng tòa án thì có nhiều cấp xét xử từ sơ thẩm đến phúc thẩm, thậm chí còn bị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm. Tổ tụng trọng tài là một thủ tục hết sức mềm dẻo và linh hoạt. Các thủ tục đơn giản, thuận tiện, đảm bảo thời cơ kinh doanh của các bên tranh chấp. Chính vì vậy, khi có tranh chấp xảy ra, các bên chỉ có thể đưa vụ tranh chấp ra trung tâm trọng tài để giải quyết khi đã có sự thỏa thuận trước về việc này. Điều này có nghĩa là sự thỏa thuận trọng tài là điều kiện quyết định quyền khởi kiện của đương sự. Đây là điều mà trong tổ tụng tòa án không có.

Tóm lại, với những nội dung phân tích ở trên, không cần phải đi xa hơn trong việc tìm kiếm những điểm khác biệt, cũng đủ để phân biệt vai trò, vị trí của Tòa án và trọng tài. Chỉ xét riêng ở góc độ giải quyết tranh chấp, đã có những sự khác nhau rất cơ bản. Mặc dù đó đều là phương thức giải quyết tranh chấp và dù đối tượng, mục đích và một số thủ tục tổ tụng có thể giống nhau, nhưng xét về bản chất là các thiết chế hoàn toàn khác nhau không thể nhầm lẫn được. Tuy nhiên vấn đề này cũng còn nhiều ý kiến băn khoăn sự khác biệt giữa vị trí của Tòa án và Trọng tài thì hiệu lực pháp lý giữa quyết định, bản án của Tòa án và quyết định, Phán quyết Trọng tài thương mại được định lượng như thế nào đối với việc tổ chức thi hành của hệ thống cơ quan THADS.

Thưa các Quý vị!

Thực tiễn, hoạt động thi hành án dân sự thời gian qua và hiện nay cũng không có sự phân biệt việc thi hành Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương

mại với thi hành án bản án, quyết định của Tòa án (*ko có sự phân biệt cả trong hoạt động tác nghiệp và tâm lý của Chấp hành viên*). Thậm chí còn có tâm lý và nhận thức việc thi hành PQTТ còn quan trọng hơn, bởi vì là loại việc chỉ thuộc thẩm quyền của cơ quan THADS cấp tỉnh. Quy định Luật THADS không có phân biệt, cụ thể:

+ Điều 1 Luật THADS quy định Luật THADS điều chỉnh, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thi hành án dân sự trong đó có: *quyết định của Trọng tài thương mại*

+ *Điểm e khoản 1 Điều 2 Luật THADS quy định*: Những bản án, quyết định được thi hành theo Luật này, trong đó có **Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại**

+ Điều 35 Luật THADS xác định thẩm quyền tổ chức thi hành Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại thuộc Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh. Mặt khác, Điều 67 Luật Trọng tài thương mại quy định: Phán quyết trọng tài được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Từ các quy định trên cho thấy: Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại được tổ chức thi hành theo trình tự thủ tục thi hành án dân sự, kể cả thủ tục cưỡng chế thi hành án.

Căn cứ Điều 68 Luật Trọng tài năm 2010 quy định: *Hết thời hạn thi hành phán quyết trọng tài mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thi hành và cũng không yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo quy định tại Điều 69 của Luật này, bên được thi hành phán quyết trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài*. Cơ quan thi hành án dân sự yêu cầu bên được thi hành phán quyết trọng tài, khi nộp đơn yêu cầu thi hành án phải nộp tài liệu được chứng minh bên phải thi hành phán quyết không yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo quy định tại Điều 69 của Luật Trọng tài hoặc bên phải thi hành phán quyết đã yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hủy phán quyết trọng tài nhưng Tòa án đã ban hành Quyết định không chấp nhận yêu cầu hủy PQTТ của người phải thi hành PQTТ. Mặc dù, qua tổng hợp số liệu cho thấy, số

lượng thụ lý vụ việc thi hành án hàng năm đối với quyết định, bản án của Tòa án lớn hơn rất nhiều so với quyết định, phán quyết trọng tài.

***\* Về thực trạng thi hành phán quyết trọng tài***

- Thuận lợi: PQTT được tổ chức thi hành theo quy định của Luật THADS (không phân biệt với việc thi hành BA, QĐ của TA), Luật THADS quy định chặt chẽ trình tự thủ tục THA, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các cấp các ngành, hiệu quả công tác THADS được nâng lên rõ rệt, theo đó, việc thi hành PQTT cũng đạt kết quả tốt hơn.

- Khó khăn:

+ Nhiều phán quyết trọng tài hiện nay bị đơn (người phải thi hành án) chỉ ghi họ và tên, chứng minh nhân dân, không có ngày, tháng, năm sinh; địa chỉ chỉ ghi ấp, xã, huyện, tỉnh (không có số nhà, khu vực cụ thể) nên Chấp hành viên và chính quyền địa phương rất khó trong việc tổng đạt thông báo, quyết định thi hành án cho người phải thi hành án.- Nhiều trường hợp hợp đồng vay dạng tín chấp, không có tài sản đảm bảo nên rất khó khăn trong việc xử lý tài sản của người phải thi hành án (nếu người phải thi hành án có điều kiện thi hành án).

+ Bên được thi hành phán quyết trọng tài gặp khó khăn trong việc nộp tài liệu được chứng minh bên phải thi hành phán quyết không yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo quy định tại Điều 69 của Luật Trọng tài, cụ thể là xác nhận của Tòa án có thẩm quyền, vì một số Tòa án chậm xác nhận hoặc không xác nhận, dẫn đến việc chậm hoặc không thể nộp đơn yêu cầu thi hành án (để tạo điều kiện thuận lợi cho bên được thi hành phán quyết trọng tài cũng như để tháo gỡ khó khăn này, thời gian qua và hiện nay khi nhận đơn yêu cầu THA mà bên được thi hành phán quyết trọng tài không chứng minh được phán quyết trọng tài đó không bị tòa án tuyên hủy, sau khi nhận đơn yêu cầu của người được thi hành PQTT, cơ quan THADS chủ động gửi văn bản đề nghị TA nơi Hội đồng Trọng tài ra PQ xác nhận PQTT có bị hủy hay không?

+ Nhiều vụ việc không thi hành được vì không có tài sản, phán quyết trọng tài ít áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo đảm việc thi hành án.

+ Các giao dịch được thỏa thuận giữa 2 bên khi xảy ra tranh chấp hay vi phạm Hợp đồng, xảy ra mâu thuẫn, các bên thường khó chấp nhận bồi thường do vi phạm hợp đồng vì có phần lỗi bên kia, không chấp nhận phán quyết trọng tài, vì vậy tìm cách né tránh không chấp nhận PQTT và không thi hành án. Các doanh nghiệp có người đại diện pháp luật nước ngoài, về nước không trở lại, doanh nghiệp không còn hoạt động, không có tài sản. Doanh nghiệp có trụ sở nước ngoài, thực hiện ủy thác tư pháp mất nhiều thời gian, việc xác định địa chỉ ở nước ngoài cũng khó khăn. Đây cũng là lý do phán quyết trọng tài khó thi hành trên thực tế.

+ Hiện tượng bên phải thi hành lợi dụng yêu cầu hủy phán quyết trọng tài tại tòa án để có thời gian tẩu tán tài sản vẫn khá phổ biến khiến cho số vụ thi hành phán quyết trọng tài còn khiêm tốn. Một số phán quyết trọng tài tuyên chưa cụ thể, rõ ràng cũng gây vướng mắc trong quá trình thi hành. Bên cạnh đó, các quy định pháp luật về việc thi hành phán quyết trọng tài vẫn còn có nhiều điểm bất cập, có thể kể đến một số bất cập như sau:

### **Thứ nhất, về chủ thể yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Luật THADS sửa đổi bổ sung năm 2014 thì quyền yêu cầu thi hành án thuộc về “đương sự” bao gồm người được thi hành án và người phải thi hành án. Trong khi đó Luật TTTM năm 2010 chỉ quy định bên được thi hành phán quyết có quyền làm đơn yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài. Do đó trong trường hợp bên phải thi hành phán quyết muốn yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài khi bên được thi hành phán quyết chưa yêu cầu thì hiện nay pháp luật vẫn chưa có quy định cụ thể.

### **Thứ hai, về thủ tục tiếp nhận và thụ lý phán quyết, quyết định của Trọng tài**

Theo Khoản 1 Điều 66 Luật TTTM năm 2010, nếu hết thời hạn thi hành phán quyết trọng tài mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thi hành và cũng không yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo quy định tại Điều 69 của Luật TTTM năm 2010, bên được thi hành phán quyết trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan THADS có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là ngày phán quyết của Hội đồng Trọng tài có hiệu lực không phải là ngày phán quyết của Hội đồng trọng tài được đưa ra thi hành tại cơ quan THADS có thẩm quyền. Hiệu lực thi hành của phán quyết trọng tài được xác định căn cứ theo Điều 61 và Điều 66 Luật TTTM năm 2010. Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 61 Luật TTTM năm 2010 thì trong phán quyết trọng tài có nội dung “*Thời hạn thi hành phán quyết*”. Vì vậy, để xác định điều kiện tiếp nhận đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan THADS phải căn cứ vào nội dung này để xác định hai vấn đề: Một là đã hết thời hạn thi hành phán quyết; Hai là bên phải thi hành phán quyết có yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài. Đối với phán quyết của Trọng tài vụ việc, bên được thi hành có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan THADS có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài sau khi phán quyết được đăng ký theo quy định tại Điều 62 của Luật TTTM. Điều 62 Luật TTTM năm 2010 quy định: Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày ban hành phán quyết trọng tài, bên yêu cầu đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc phải gửi đơn xin đăng ký phán quyết trọng tài tới Tòa án có thẩm quyền. Sau khi nhận được đơn xin đăng ký phán quyết trọng tài thì Tòa án thực hiện việc đăng ký hoặc từ chối đăng ký phán quyết. Vì vậy, để có thể tiếp nhận đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan THADS phải yêu cầu đương sự chứng minh việc phán quyết trọng tài đã được đăng ký tại Tòa án. Tuy nhiên, trên thực tế, việc xác nhận tình trạng pháp lý của phán quyết trọng tài gặp nhiều khó khăn, trong đó người yêu cầu thi hành phải chứng minh phán quyết trọng tài đó không bị Tòa án tuyên hủy. Nhiều trường hợp các đương sự yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xác nhận phán quyết trọng tài không bị tuyên hủy đều không nhận được câu trả lời từ phía Tòa án, dẫn tới hồ sơ thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự bị chậm hoặc

không được tiếp nhận do không xác nhận được tình trạng pháp lý của phán quyết. Hơn nữa, việc xác định tình trạng pháp lý của phán quyết trọng tài là trách nhiệm của cơ quan thi hành án dân sự hay đương sự còn chưa được quy định rõ dẫn tới khó khăn trong công tác thụ lý thi hành án. Liên quan đến vấn đề này, tại Kiến nghị số 1680/PTM - VP ngày 14/07/2017 của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam về việc thi hành phán quyết trọng tài thì một trong những bất cập khi nộp đơn yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài là việc Cơ quan THADS yêu cầu đương sự phải cung cấp giấy xác nhận của Tòa án về việc thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Trong khi Tòa án lại không có bất kỳ quy trình hay thủ tục nào để cấp Giấy xác nhận này, việc cấp giấy hoàn toàn phụ thuộc vào thực tiễn của mỗi Tòa án. Việc thi hành phán quyết trọng tài bị phụ thuộc vào việc Tòa án cấp giấy xác nhận đã hạn chế quyền và lợi ích chính đáng của bên được thi hành. Mặt khác, thủ tục xin xác nhận của Tòa án là một thủ tục hành chính độc lập, phải thực hiện trước khi nộp hồ sơ đến cơ quan THADS, dẫn đến quy trình yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài bị tăng gấp đôi về thủ tục. Đồng thời, kiến nghị cũng nêu ra bất cập về quy định bên yêu cầu THA phải có bằng chứng về việc phán quyết trọng tài đã có giá trị thi hành. Thực tế, bên yêu cầu thi hành án sẽ rất khó để biết thông tin Tòa án có đang thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài hay không. Trong khi bên phải thi hành phán quyết trọng tài là chủ thể nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài và Tòa án có thẩm quyền xem xét hủy phán quyết trọng tài lại có thể dễ dàng cung cấp thông tin. Do đó, quy định việc lấy thông tin từ bên phải thi hành phán quyết trọng tài hoặc Tòa án sẽ là hợp lý hơn. Có thể thấy, các kiến nghị nói trên đã phản ánh đúng phần nào những bất cập trong việc thụ lý yêu cầu thi hành PQTT hiện nay.

### **Thứ ba, về thời hiệu thi hành phán quyết Trọng tài**

Theo pháp luật về thi hành án dân sự (Điều 30 Luật THADS sửa đổi bổ sung năm 2014 và Điều 4 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ *quy định chi tiết*

và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS, sửa đổi bổ sung nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020) thì thời hiệu yêu cầu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định trong bản án, quyết định thì thời hạn 5 năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn. Đối với bản án, quyết định thi hành theo định kỳ thì thời hạn 5 năm được áp dụng cho từng định kỳ, kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn. Theo khoản 5 Điều 61 Luật TTTM thì phán quyết trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Tuy nhiên, Khoản 2 Điều 66 Luật TTTM năm 2010 lại quy định: Đối với phán quyết của Trọng tài vụ việc, bên được thi hành có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài sau khi phán quyết được đăng ký theo quy định tại Điều 62 của Luật TTTM, và thời hạn đăng ký là 1 năm kể từ ngày ban hành phán quyết. Vấn đề đặt ra là thời hiệu yêu cầu thi hành án được tính bắt đầu từ thời điểm nào là chính xác: kể từ ngày có phán quyết trọng tài hay từ khi phán quyết đó được đăng ký tại tòa án? Có thể thấy, sự không thống nhất giữa các quy định pháp luật nêu trên đã khiến cho thời hiệu thi hành phán quyết trọng tài vụ việc chỉ còn chưa được 4 năm kể từ ngày phán quyết trọng tài có hiệu lực chứ không phải 5 năm. Do đó cần có quy định cụ thể hơn về vấn đề này.

#### **Thứ tư, về thẩm quyền thi hành phán quyết, quyết định của Trọng tài**

Theo Điều 8 Luật TTTM năm 2010, cơ quan THADS có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài là cơ quan THADS cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Hội đồng Trọng tài ra phán quyết. Trên thực tế các trung tâm trọng tài thường tập trung tại các thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó các phán quyết trọng tài chủ yếu được ban hành tại các trung tâm trọng tài đặt tại hai thành phố này. Tuy nhiên, khi các bên có đơn yêu cầu thi hành án mà các doanh nghiệp không có trụ sở kinh doanh tại hai thành phố này khi nộp đơn yêu cầu thi hành phán quyết sẽ rất khó khăn. Mặt khác, theo quy định tại Điều 55 Luật THADS sửa đổi bổ sung năm 2014 thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải

ủy thác thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, làm việc, cư trú hoặc có trụ sở. Như vậy, cơ quan THADS cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Hội đồng Trọng tài ra phán quyết có thể lại phải ủy thác thi hành án đến nơi người phải thi hành án có tài sản, làm việc, cư trú hoặc có trụ sở, dẫn đến thời gian tổ chức thi hành án bị kéo dài.

### **Thứ năm, việc yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài**

Việc yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài được quy định tại Chương XI Luật TTTM năm 2010 (Từ Điều 68 đến Điều 72) và Điều 14 Nghị Quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật TTTM năm 2010, trong đó quy định cụ thể về căn cứ, trình tự thủ tục yêu cầu và xem xét hủy Phán quyết trọng tài. Tuy nhiên lại thiếu các quy định ràng buộc trách nhiệm trong trường hợp một bên yêu cầu hủy phán quyết trọng tài nhưng không được Tòa án công nhận và việc kéo dài thời gian thi hành phán quyết gây ra thiệt hại đối với bên được thi hành phán quyết. Điều này dẫn đến bên phải thi hành phán quyết trọng tài thường tìm mọi cách để đưa ra yêu cầu phản đối để phán quyết bị bác bỏ, dẫn đến tốn kém thời gian và chi phí cho bên được thi hành phán quyết. Do đó cần quy định chặt chẽ hơn nữa về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài và có những quy định ràng buộc trách nhiệm đối với bên yêu cầu hủy phán quyết nhằm hạn chế tối đa việc lợi dụng quyền yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài để kéo dài thời gian thi hành án. Thi hành phán quyết của Trọng tài Thương mại có ý nghĩa quan trọng không chỉ trong việc đảm bảo quyền và lợi ích của các chủ thể tham gia tranh chấp mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo một môi trường kinh doanh bình đẳng cho các chủ thể tham gia kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư và góp phần phát triển nền kinh tế. Chính vì vậy việc hoàn thiện các quy định pháp luật về thi hành phán quyết, quyết định của Trọng tài Thương mại là vô cùng cần thiết và việc sửa đổi luật TTTM nên được đặt ra để phù hợp với tình hình thực tiễn.

### **Các giải pháp thi hành PQTT**

- Quy chế phối hợp giữa Trọng tài thương mại với cơ quan Thi hành án dân sự trong việc nhận đơn yêu cầu THA, tổ chức thi hành án.v.v. qua đó tổng hợp những vướng mắc, tìm nguyên nhân và đề ra giải pháp để PQTT đảm bảo thi hành đạt kết quả cao, nâng cao chất lượng PQTT.

- Trọng tài viên phân tích và giải thích quy định pháp luật và tạo điều kiện để các bên lựa chọn cách thức thỏa thuận, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Khuyến khích các bên hợp tác tốt và cung cấp đầy đủ thông tin cho Trọng tài Thương mại và khi tham gia giải quyết căn cứ Điều 48 Luật Trọng tài có thể yêu cầu TTTM áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định tại Điều 49 Luật Trọng tài để đảm bảo quá trình giải quyết và đảm bảo phán quyết trọng tài được tôn trọng và chấp hành triệt để.